



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 1369

-----\*\*\*-----

Số: 130/2020/C69/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Hải Dương, ngày 25 tháng 08 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Quý cổ đông.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369
- Mã chứng khoán: C69
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Điện thoại: 02203.891.898
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thúy  
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Loại thông tin công bố: bất thường 24h

### Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin về Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT về việc triển khai Phương án phát hành chi tiết phát hành riêng lẻ cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.cpxd1369.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *[Signature]*

### Tài liệu đính kèm:

- NQ số 10/NQ-HĐQT



NGUYỄN THỊ THÚY



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 1369**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐQT

Hải Dương, ngày 25 tháng 08 năm 2020

### **NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Triển khai Phương án phát hành chi tiết phát hành riêng lẻ cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

**Căn cứ:**

- + Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- + Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ;
- + Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng 1369;
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐBT.2020 ngày 01 tháng 08 năm 2020;
- + Nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Biên bản họp Hội đồng quản trị cùng ngày.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

#### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại kỳ họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 01 tháng 08 năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty triển khai chi tiết việc phát hành riêng lẻ 15.000.000 (Mười lăm triệu) cổ phiếu.

**Điều 2.** Triển khai việc sử dụng 150.000.000.000 (một trăm năm mươi tỷ) dự kiến thu được từ đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu như sau:

- (1) Thực hiện hoạt động M&A;
- (2) Trả các khoản gốc lãi nợ vay đến hạn và/hoặc cơ cấu lại nợ vay;
- (3) Bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

STT	Mục đích sử dụng	Phân bổ vốn (VND)
1	Hoạt động M&A	66.500.000.000
2	Trả gốc lãi nợ vay đến hạn và/hoặc cơ cấu lại nợ vay	36.445.204.815
3	Bổ sung vốn lưu động	47.054.795.185
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.000.000.000</b>

## 1) THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG M&A CỦA CÔNG TY

Thông tin ba công ty mục tiêu C69 dự kiến thực hiện M&A như sau:

Đơn vị: VND

Stt	Nội dung	Công ty 1	Công ty 2	Công ty 3
1	Tên công ty	Công ty cổ phần Cơ điện Nông nghiệp Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đông Á	Công ty cổ phần gôm xây dựng giếng đáy Quảng Ninh
2	Mã số DN	0800008375	0800443995	5700478640
3	Vốn điều lệ	30.000.000.000	90.000.000.000	23.760.000.000
4	Lĩnh vực hoạt động chính	Nông nghiệp, máy móc và thiết bị nông nghiệp	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
5	Phân bổ vốn thực hiện M&A	<b>13,000,000,000</b>	<b>44,000,000,000</b>	<b>9.500.000.000</b>
6	Tỷ lệ sở hữu dự kiến của C69	45%	49%	40%

## 2) TRẢ CÁC KHOẢN GỐC, LÃI NỢ VAY ĐẾN HẠN

Trả nợ gốc

Stt	Ngân hàng	HĐ tín dụng	Số tiền dự kiến trả (VND)
1	Ngân hàng Agribank	2301-LAV-202000736 ngày 22/02/2020, 1930026/HĐTD ngày 22/02/2019	10.090.122.310
2	Ngân hàng BIDV	02/2020/4232632/HĐTD ngày 06/04/2020	22.105.082.505
3	Ngân hàng Vietinbank	09.09/2019-HĐCVHM/NHCT340-1369 ngày 16/09/2019	3.050.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>35.245.204.815</b>

*Chi tiết phân trả nợ theo các kế ước nhận nợ của các hợp đồng tín dụng trên cụ thể như sau:*

14/05/2020



❖ Các khế ước nhận nợ được trả hoàn toàn nợ gốc của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2301-LAV-202000736 ngày 22/02/2020, và số 1930026/HĐTD ngày 22/02/2019 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Thành phố Hải

Dương:

STT	Số khế ước/Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Ngày dự kiến trả	Số tiền vay gốc	Số tiền vay gốc đã trả	Số tiền vay gốc còn lại
1	2301LDS202000964	04/02/2020	04/10/2020	04/10/2020	1.000.000.000	-	1.000.000.000
2	2301LDS202001027	11/02/2020	11/10/2020	11/10/2020	1.076.015.450	-	1.076.015.450
3	2301LDS202001140	20/02/2020	20/10/2020	20/10/2020	1.000.000.000	-	1.000.000.000
4	2301LDS202001151	21/02/2020	21/10/2020	21/10/2020	780.000.000	-	780.000.000
5	2301LDS202001408	12/03/2020	12/11/2020	12/11/2020	1.529.659.400	-	1.529.659.400
6	2301LDS202001468	17/03/2020	17/11/2020	17/11/2020	1.113.429.460	-	1.113.429.460
7	2301LDS202001481	18/03/2020	18/11/2020	18/11/2020	1.791.018.000	-	1.791.018.000
8	2301LDS202001654	03/04/2020	03/12/2020	03/12/2020	1.000.000.000	-	1.000.000.000
9	2301LDS202001660	06/04/2020	06/12/2020	06/12/2020	800.000.000	-	800.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>10.090.122.310</b>	<b>-</b>	<b>10.090.122.310</b>

080  
NG  
PH  
DI  
36  
AI

❖ Các khế ước được trả hoàn toàn nợ gốc của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2020/4232632/HĐTĐ ngày 06/04/2020 tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông:

STT	Số khế ước/Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Ngày dự kiến trả	Số tiền vay gốc	Số tiền vay gốc đã trả	Số tiền vay gốc còn lại
1	46882000350697	07/04/2020	07/10/2020	07/10/2020	1.236.900.000	168.000.000	1.068.900.000
2	46882000351308	08/04/2020	08/10/2020	08/10/2020	180.000.000	-	180.000.000
3	46882000351706	09/04/2020	09/10/2020	09/10/2020	1.213.813.600	-	1.213.813.600
4	46882000352578	14/04/2020	14/10/2020	14/10/2020	650.000.000	-	650.000.000
5	46882000370701	02/07/2020	02/11/2020	02/11/2020	1.213.537.500	-	1.213.537.500
6	46882000371324	06/07/2020	06/11/2020	06/11/2020	2.519.782.640	-	2.519.782.640
7	46882000371722	07/07/2020	09/11/2020	09/11/2020	1.599.000.000	-	1.599.000.000
8	46882000372114	09/07/2020	09/11/2020	09/11/2020	1.399.655.550	-	1.399.655.550
9	46882000373029	14/07/2020	16/11/2020	16/11/2020	2.000.000.000	-	2.000.000.000
10	46882000359676	15/05/2020	16/11/2020	16/11/2020	3.000.000.000	-	3.000.000.000
11	46882000373825	17/07/2020	17/11/2020	17/11/2020	152.661.600	-	152.661.600
12	46882000373940				1.200.000.000	-	1.200.000.000
13	46882000360553	19/05/2020	19/11/2020	19/11/2020	813.050.000	-	813.050.000
14	46882000360942	20/05/2020	20/11/2020	20/11/2020	3.764.671.615	-	3.764.671.615
15	46882000364661	05/06/2020	07/12/2020	07/12/2020	1.330.010.000	-	1.330.010.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>22.273.082.505</b>	<b>168.000.000</b>	<b>22.105.082.505</b>



- ❖ Các khế ước nhận nợ được trả hoàn toàn nợ gốc của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 09.09/2019-HĐCVHM/NHCT340-1369 ngày 16/09/2019 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương:

STT	Số khế ước/Tài khoản vay	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Ngày dự kiến trả	Số tiền vay gốc	Số tiền vay gốc đã trả	Số tiền vay gốc còn lại
1	808004003465	20/05/2020	20/11/2020	20/11/2020	2.500.000.000	-	2.500.000.000
2	808004028414	05/06/2020	05/12/2020	05/12/2020	550.000.000	-	550.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>3.050.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.050.000.000</b>

Trả nợ lãi

Stt	Ngân hàng	HĐ tín dụng	Số tiền dự kiến trả (VND)
1	Ngân hàng Agribank- CN TP Hải Dương	2301-LAV-202000736 ngày 22/02/2020, và số 1930026/HĐTD ngày 22/02/2019	390.000.000
2	Ngân hàng BIDV- CN Thành Đông	02/2020/4232632/HĐTD ngày 06/04/2020	258.000.000
3	Ngân hàng Vietinbank- CN Hải Dương	09.09/2019-HĐCVHM/NHCT340-1369	75.000.000
4	Ngân hàng MB- CN Hải Dương	2387.20.271.1850947.TD ngày 03/02/2020	75.000.000
5	Ngân hàng ACB CN Hải Dương	LTN.DN.3360.030120 ngày 06/01/2020	270.000.000
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	02.039/2017/TSC-CTTC; 02.066/2017/TSC-CTTC; 02.069/2017/TSC-CTTC; 02.023/2018/TSC-CTTC; 02.054/2018/TSC-CTTC; 02.011/2019/TSC-CTTC; 02.012/2019/TSC-CTTC	132.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.200.000.000</b>

3) BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG CHO CÔNG TY

Stt	Nhà cung cấp/ Nhà thầu thi công/ Đối tác	HD kinh tế	Số tiền thanh toán dự kiến (VND)
1	Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Bình Minh	02-2020/HĐNT/1369-BM ngày 02/01/2020	1.000.000.000
2	Công ty cổ phần xây dựng và CN môi trường Việt Nam	11/2019/HĐKT ngày 27/11/2019	1.000.000.000
3	Công ty cổ phần bê tông Đức Trọng	HĐ V/v thi công xây dựng ngày 06/06/2018 và HĐ số 5.6.2020/1369-ĐT/HĐXD	1.500.000.000
4	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Anh Thư	01.01/HĐVC-2020 ngày 01/01/2020	2.000.000.000
5	Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại ACD	39/2020/HĐKT-1369-ACD ngày 03/08/2020	1.000.000.000
6	CN Công ty CPXD Đồng Hải Quảng Ninh-XN đá Thống Nhất	01-2020/HĐNT/1369-TN ngày 02/01/2020	12.554.795.185
7	Công ty Cổ phần khoáng Sản Tân Thủy	2807/2020/HĐNT/TT-1369 ngày 28/07/2020	1.000.000.000
8	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Đông Á	01/HĐNT/1369-ĐA ngày 05/05/2020	9.000.000.000
9	Công ty TNHH Toàn Thắng	01/2020/HĐNT/TT-1369 ngày 08/01/2020	6.500.000.000
10	Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương	01/HĐNT/1369-T&T ngày 10/08/2020	6.000.000.000
11	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Hùng	01/HĐKT-2020/ĐH-1369 ngày 19/03/2020	5.500.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>47.054.795.185</b>



**Điều 3.** Ủy quyền cho ông Lê Tuấn Nghĩa - Tổng Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo và thực hiện các nội dung nêu trên.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nơi nhận:*

- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tân**